

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 17- 03-2022
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHĨ SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tòng
2. Ông Lê Thế Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Trung - Thư ký Tòa án nhân dân Thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Kim Duy Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 17/03/2022, tại hội trường xét xử TAND Thị xã Nghi Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 217/2021/TLST-HNGĐ ngày 19/10/2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L – Sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố L, phường H, thị xã N, tỉnh T

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu B - Sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố L, phường H, thị xã N, tỉnh T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Về hôn nhân:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày, các biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa chị Nguyễn Thị L trình bày:**

Chị và anh B tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T (nay là phường H, thị xã N), tỉnh T vào ngày 11/6/1998.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh B thường xuyên đánh đập, chửi bới chị dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hòa giải, chị cũng đã mấy lần gửi đơn đến chính quyền UBND phường H, nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không thể cải thiện được. Hiện tại chị đã về nhà bố, mẹ đẻ ở vợ chồng không còn quan tâm, chăm

sóc đến nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyện vọng của chị xin được ly hôn với anh B .

*** Tại bản tự khai và các biên bản hòa giải anh Nguyễn Hữu B trình bày:**

Về thời gian và điều kiện kết hôn như chị L khai là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên đôi khi có xảy ra cãi cọ, xô xát. Trước đây chị L có lần đã gửi đơn đến UBND phường Hải Thượng sau đó vợ chồng hòa giải với nhau nên chị L đã rút đơn về, nay chị L lại gửi đơn ly hôn đến Tòa án, nhưng anh xét thấy vẫn còn tình cảm với chị L và hứa sẽ sửa đổi những lỗi lầm của mình để vợ chồng đoàn tụ. Do đó anh không đồng ý ly hôn.

2. Về con chung:

- Ý kiến trình bày của chị L: Chúng tôi có 03 con chung là:

Nguyễn Thị Q – Sinh ngày: 02/4/1999

Nguyễn Hữu M – Sinh ngày: 01/6/2005

Nguyễn Thị Ngọc L – Sinh ngày: 23/4/2008

Nay ly hôn, cháu Q đã trưởng thành nên chị không có yêu cầu gì. Nguyên vọng của chị là xin được nuôi cháu M và cháu L. Việc cấp dưỡng nuôi con đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến trình bày của anh B : Chúng tôi có 03 con chung là:

Nguyễn Thị Q – Sinh ngày: 02/4/1999

Nguyễn Hữu M – Sinh ngày: 01/6/2005

Nguyễn Thị Ngọc L – Sinh ngày: 23/4/2008

Nay ly hôn, cháu Q đã trưởng thành nên anh không có yêu cầu gì. Nguyên vọng của anh là xin được nuôi cháu M và cháu L. Việc cấp dưỡng nuôi con đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản: Hai bên đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn tại phiên tòa:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L và bị đơn là anh Nguyễn Hữu B đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân

sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX tuyên:

- Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Hữu B
- Về con chung:

Đối với cháu Q hiện tại đã trưởng thành, xây dựng gia đình nên đề nghị HĐXX không xem xét;

Giao cả 2 cháu Nguyễn Hữu M và Nguyễn Thị Ngọc L cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh B cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi cháu 1.000.000 đồng/1tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 03/2022 cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

Anh B được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, chị L không được ngăn cấm.

-Về tài sản: Hai bên đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét;

- Án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh B phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, chị Nguyễn Thị L có mặt tại phiên tòa và giữ nguyên quan điểm của mình theo đơn khởi kiện. Còn anh Nguyễn Hữu B vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ 2 lần nhưng anh B vẫn không đến phiên tòa; Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hữu B là hôn nhân hợp pháp. Bởi lẽ anh chị tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 11/06/1998 tại Ủy ban nhân dân xã Hải Thượng, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa (Nay là phường Hải Thượng, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa) và thực hiện đầy đủ thủ tục kết hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc chỉ được chỉ được một thời gian ngắn thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn mỗi người nài ra một nguyên nhân khác nhau, nhưng mâu thuẫn của vợ chồng cũng đã được chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Cả chị L và anh B đều thừa nhận trước đây chị L đã gửi đơn đến xã Hải Thượng (nay là phường Hải Thượng) để làm thủ tục xin ly hôn nhưng sau đó chị lại rút đơn về. Tuy nhiên sau khi rút đơn về thì tình cảm của vợ chồng vẫn không cải thiện được.

Hiện tại chị L đã về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng hoàn toàn sống ly thân nhau, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa, ai lo phận người đó và hoàn toàn cắt đứt về mặt tình cảm. Nay chị L xác định tình cảm của vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B. Còn anh B không đồng ý ly hôn vì anh xác định vẫn còn yêu thương chị L nên nguyện vọng của anh là vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi con chung trưởng thành.

Xét nguyện vọng của các đương sự HĐXX thấy rằng: Chị L và anh B mỗi người đều có nguyện vọng riêng của mình và trái ngược quan điểm với nhau. Nhưng cả hai đều thừa nhận mâu thuẫn của vợ chồng và cách giải quyết mâu thuẫn đó trong thời gian qua, nhưng vẫn không có kết quả gì. Quá trình giải quyết Tòa án đã kiên trì hòa giải và cũng đã giành thời gian để vợ chồng có điều kiện hàn gắn, nhưng cho đến trước phiên tòa hôm nay theo chị L thì vợ chồng mỗi người một nơi, vẫn không nói chuyện được với nhau. Hiện tại chị đã về nhà bố, mẹ đẻ ở. Xét thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mâu thuẫn vợ chồng đã gay gắt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chị L có nguyện vọng xin được ly hôn với anh B là chính đáng. Căn cứ Điều 56 luật Hôn nhân Gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

[3] Về con chung: Hai bên đương sự thống nhất vợ chồng có 03 con chung là:

Nguyễn Thị Q – Sinh ngày: 02/4/1999

Nguyễn Hữu M – Sinh ngày: 01/6/2005

Nguyễn Thị Ngọc L – Sinh ngày: 23/4/2008

Nay ly hôn cả chị L và anh B đều có nguyện vọng được nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 07/01/2022 của Tòa án đối với ông Nguyễn Văn N – Tổ trưởng tổ dân phố Liên Trung nơi chị L và anh B sinh sống thể hiện: Về tình trạng hôn nhân của chị L và anh B đã mâu thuẫn nhiều năm và thường xuyên. Mâu thuẫn của vợ chồng cũng đã được hai bên gia đình, tổ dân phố nhiều lần hòa giải nhưng cuộc sống của vợ chồng vẫn không cải thiện được. Hiện tại chị L đã về nhà bố, mẹ đẻ ở còn các con vẫn qua lại với cả hai bên.

Quá trình giải quyết vụ án các cháu M và L đều có nguyện vọng được ở với mẹ nên bố, mẹ ly hôn.

Xét nguyện vọng nuôi con của chị L và anh B đều là chính đáng. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án cả cháu M và L đều có nguyện vọng được ở với mẹ (khoản 3 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình), còn cháu Q hiện tại đã trưởng thành (xây dựng gia đình) nên cả chị L và anh B đều thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét. Nay chị L có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu M và L. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình giao cả 2 cháu M và L cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và buộc anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L, thời gian tính từ tháng 03/2022 cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi. Anh B được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung chị L không được ngăn cấm.

[4] Về tài sản: Hai bên đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Trong vụ án này, chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; anh B phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Dành quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Loan, cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Hữu B .

- Về con chung: Giao cả 02 cháu: Nguyễn Hữu M - Sinh ngày: 01/6/2005 và Nguyễn Thị Ngọc L - Sinh ngày: 23/4/2008 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Nguyễn Hữu B phải cấp dưỡng nuôi các cháu M và L mỗi cháu 1.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 03/2022 cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi. Anh B được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, chị L không được cản trở.

- Án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số **AA/2021/0011961 ngày 05/10/2021** của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn; Chị L đã nộp đủ án phí theo biên lai nói trên.

Anh Nguyễn Hữu B phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị L, vắng mặt anh B tại phiên tòa. Tuyên bố chị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Anh B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại UBND phường Hải Thượng, Thị xã Nghi Sơn nơi anh B cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND thị xã Nghi Sơn;
- Chi cục THADS thị xã Nghi Sơn;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Hạnh